TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH** ---***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS - ST
Ngày 12/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
****
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Là và bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thuận Yến - Thư ký Tòa án huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Lại Thị Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2020/TLST-HSST ngày 02 tháng 12 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2020/QĐXXST - HS ngày 14/12/2020 đối với:

Bị cáo: Nguyễn Bá Ph, sinh ngày 20/4/2000. Giới tính: Nam.

Nơi sinh, nơi cư trú: Thôn KĐ, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Nguyễn Bá H, con bà Phạm Thị H1. Chưa có vợ, con.

Nhân thân: Ngày 13/3/2017 bị Công an huyện Đông Hưng xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi " Cố ý gây thương tích" đã thi hành xong ngày 15/3/2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/10/2020 đến ngày 15/10/2020 được thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị hại: Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn KĐ, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB

Người làm chứng:

1. Nguyễn Thị N, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn Đ K, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB.

2. Anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn ĐQ, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB

3. Ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn BL, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB.

4. Bà Hà Thị Th, sinh năm 1954
Địa chỉ: Thôn KĐ, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB
(Có mặt bà Th, còn lại đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Bá Ph là thợ cắt tóc. Khoảng tháng 6 năm 2020 Ph thuê nhà của ông Vũ Ngọc S, sinh năm 1955 tại thôn BL, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB. để làm quán cắt tóc. Ph ở nhờ nhà của ông bà nội là ông Nguyễn Bá Tvà bà Hà Thị Th, ở thôn KĐ, xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB. Sau khi thuê quán, Ph thuê anh Nguyễn Hữu L, sinh năm 1984, trú tại thôn ĐQ, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB sửa và thay mới phần cửa kính của quán với giá là 6.400.000 đồng nhưng chưa trả tiền cho L. Từ tháng 7/2020 - 10/2020 không thấy Ph trả nợ nên anh L có thúc giục Ph trả nợ. Trưa ngày 10/10/2020, tại nhà ông T và bà Th sau khi ăn trưa xong, Ph thấy ông T ngủ ở ghế phòng khách, bà Th ngủ trong phòng ngủ của bà, còn chiếc xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 17 B3-14201 của ông T để ở sân, chỉ khóa điện, không khóa cổ, không khóa càng, chìa khóa xe để ở mặt bàn uống nước. Ngoài ra, trong nhà không còn ai khác, đường vắng vẻ ít người qua lại. Do không có tiền để trả nợ anh L và trả tiền thuê nhà cho ông S nên Ph nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của ông T để cầm cố lấy tiền trả nợ. Khi thấy ông nội đã ngủ say, Ph lấy chìa khóa xe, ra cắm chìa khóa vào ổ khóa điện, mở cổng, dắt xe ra ngoài đường, sau đó lên xe nổ máy điều khiển xe đến quán cắt tóc của Ph. Đến nơi, Ph lại gặp anh L đến đòi nợ nên Ph hứa với anh L là 17 giờ chiều cùng ngày sẽ trả. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày Ph điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được của ông nội đến hiệu cầm đồ Huy Nết gặp chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980, trú tại thôn Đ K, xã NX, huyện ĐH, tỉnh TB.là chủ hiệu cầm đồ để cầm cố xe. Chị N yêu cầu Ph giao chứng minh nhân dân nhưng do không mang theo chứng minh nên Ph điều khiển xe quay về quán cắt tóc lấy. Tại đây, Ph mở cốp xe mô tô để kiểm tra thì phát hiện trong cốp có 01 ví giả da màu nâu, bên trong ví có: 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự của xe cơ giới đều mang tên Nguyễn Bá T, 01 đăng ký xe mang tên Nguyễn Bá D và 400.000 đồng. Sau khi lấy thêm chứng minh nhân dân mang theo, Phương tiếp tục điều khiển xe đến quán cầm đồ Huy Nết, đưa cho chị N 01 đăng ký xe mô tô này, 01 chứng minh nhân dân của Ph và thống nhất viết hợp đồng với giá cầm cố xe là 8.000.000 đồng. Quá trình cầm cố chiếc xe chị N hỏi Phvề nguồn gốc chiếc xe thì Ph nói dối là xe mình mới mua ở hiệu cầm đồ TS chưa kịp sang tên đổi chủ. Sau khi cầm cố xong Phg trở về quán cắt tóc, cất ví và giấy tờ còn lại của ông T ở quán, 400.000 đồng lấy từ cốp xe của ông T cùng 8.000.000 đồng vừa cầm cố xe có được, Ph bỏ vào túi quần. Sau khi

phát hiện mất xe, khoảng 15 giờ 30 phút ông có điện thoại hỏi Ph có lấy xe của ông không thì mang về cho ông, Ph trả lời là "Con không lấy". Chiều ngày 10/10/2020 Ph dùng số tiền 8.400.000 đồng nêu trên trả nợ cho anh L 2.000.000 đồng, trả ông S 3.900.000 đồng tiền thuê quán, số tiền còn lại Ph đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 12/10/2020, Ông T đến Công an huyện Đông Hưng trình báo sự việc. Cùng ngày Phđến Công an huyện Đông Hưng để đầu thú.

Khám xét khẩn cấp nơi làm việc của Ph thu giữ: 01 ví giả da màu nâu đã qua sử dụng, bên trong có 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Bá T, 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Nguyễn Bá T, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc xe mô tô biển kiểm soát 17 B3-xx01.

Ngày 12/10/2020 chị Nguyễn Thị N tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô biển kiểm soát 17 B3-xx1; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Bá Ph; 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 17 B3 - xx1 mang tên Nguyễn Bá D và 01 hợp đồng cầm đồ ngày 10/10/2020.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 250 ngày 13/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đông Hưng kết luận: Chiếc xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 17 B3-xx1 đã qua sử dụng trị giá là 9000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Bá T đã nhận lại toàn bộ tài sản không bị hư hỏng và số tiền trong ví do Ph hoàn trả không có yêu cầu Ph phải bồi thường thêm khoản nào khác.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị N đã đưa cho Phương theo hợp đồng cầm cố, Phương đã hoàn trả số tiền trên cho chị N, chị N đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa bị cáo Ph đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cụ thể: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/10/2020 tại nhà ở của ông Nguyễn Bá T, Ph là cháu nội của ông Tcó hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 17 B3 -XX1 của ông T, trị giá 9000.000 đồng cùng 400.000 đồng trong cốp xe mục đích mang xe đi cầm cố lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Tổng tài sản trộm cắp là 9.400.000 đồng. Nay bị cáo đã chuộc xe và đi làm lấy tiền trả lại đủ tiền chuộc xe, tiền trong ví và xe cho ông nội. Bị cáo rất ân hận về việc mình làm mong hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại ông T trình bày: Do hoàn cảnh gia đình Ph phải ở cùng với ông bà nội là vợ chồng ông T. Điều kiện gia đình ông T khó khăn, bà Th vợ ông lại bị tai biến sức khỏe yếu. Mặc dù đã cao tuổi nhưng ông T vẫn phải đi làm bảo vệ, ông T, bà Th ít có điều kiện quan tâm đến Ph. Ph còn trẻ tuổi, lại mới mở hiệu cắt tóc được vài tháng nhưng do dịch bệnh Phương không có khách, không có thu nhập, nên không có tiền trả tiền thuê địa điểm và tiền sửa quán Ph đã nông nổi và có hành động thiếu suy nghĩ dẫn đến vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của Ph trong đó cũng có một phần trách nhiệm của ông T. Sau khi sự việc xảy ra Ph cũng đã nhận ra lỗi lầm, ăn năn hối hận việc làm của

mình, đã đi làm và trả lại ông T số tiền 400.000 đồng trong ví của ông mặc dù ông không yêu cầu. Ông đã nhận số tiền 400.000đồng trên và xe máy của mình. Nay ông không có yêu cầu bồi thường đề nghị hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho Ph để Ph có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân tốt có ích cho gia đình, và xã hội.

Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo. Cáo trạng số 106/CT- VKSĐH ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát Nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố Nguyễn Bá Ph về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Trong phần tranh luận tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa phân tích nguyên nhân, điều kiện phạm tội, đánh giá chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm, hậu quả, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trên cơ sở đó giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng số 106/CT- VKSĐH ngày 30/11/2020 đồng thời đề nghị HĐXX kết tội bị cáo Ph về tội: "Trộm cắp tài sản"; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s, b khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 Bộ luật hình sự; tuyên phạt bị cáo từ 09(chín) tháng đến 12(mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo ấn định thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng.

Bị cáo Ph xác định cáo trạng truy tố bị cáo về hành vi trộm cắp tài sản là đúng pháp luật vì vậy không trình bày lời bào chữa, cũng không trình bày ý kiến tranh luận về tội danh, mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị.

Kết thúc phần tranh luận bị cáo nói lời nói sau cùng: Đã nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối hận về việc làm của mình, do suy nghĩ nông nổi bị cáo đã có hành động vi phạm pháp luật. Mong được hưởng mức hình phạt thấp nhất và hứa sẽ cải tạo thành công dân tốt.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Các tài liệu chứng cứ do Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra vụ án thì thấy đã tuân thủ các quy định của pháp luật. Đó là các tài liệu hợp pháp chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ vào các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đúng như lời khai nhân tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và hoàn toàn phù hợp với cáo trạng số 106/CT- VKSĐH ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố.

Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với: Lời khai của những người làm chứng, người bị hại, người có quyền lợi liên quan cùng toàn bộ các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 10/10/2020 tại nhà ở của ông Nguyễn Bá T, Ph à cháu nội của ông T có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Wave RSX biển kiểm soát 17 B3 -XX1 của ông T, trị giá 9000.000 đồng cùng 400.000 đồng trong cốp xe mục đích mang xe đi cầm cố lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Tổng tài sản trộm cắp là 9.400.000 đồng. Hành vi của Ph đã phạm vào tội " Trộm cắp tài sản" quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1.Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[3] Xét tích chất mức độ hậu quả hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo thấy rằng**:**

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân. Với giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 9.400.000 đồng thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Bá Ph thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tự nguyện khắc phục hậu quả. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, h s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo ra đầu thú, có ông nội được nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến, người bị hại chính là ông nội bị cáo có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 04 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51 bộ luật hình sự và hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 bộ luật hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng do vậy cần áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để bị cáo có cơ

hội để cải tạo trở thành công dân tốt và bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo là lao động tự do thu nhập không ổn định. Gia đình có hoàn cảnh khó khăn do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại OPPO đã qua sử dụng quản lý của Nguyễn Bá Ph à tài sản của bị cáo dùng để liên lạc hàng ngày do vậy cần trả lại cho bị cáo

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản nguyên vẹn không hư hỏng gì, không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị N đã đưa cho Phtheo hợp đồng cầm cố, Ph đã hoàn trả số tiền trên cho chị N, chị N đã nhận tiền và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[9]Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan được kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá Phương phạm tội: "Trộm cắp tài sản"

- Áp dụng: Khoản 1, Điều 173, Điểm b, s, h, i khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 65 Bộ luật hình sự

Xử phạt Nguyễn Bá Ph 09(chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18(mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phương cho Ủy ban nhân dân xã PC, huyện ĐH, tỉnh TB có trách nhiệm giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách .

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo vi phạm nghĩa vụ theo luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải thi hành hình phạt tù thời hạn là 09 (chín) tháng.

2.Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tuyên trả Nguyễn Bá Ph 01 chiếc điện thoại OPPO có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng và chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 01/12/2020.

4.Về án phí**:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Bá Ph phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo
- Bị hại
- VKSND huyện Đông Hưng
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Công An huyện Đông Hưng
- Chi cục THA Dân sự huyện Đông Hưng
- UBND xã PC ĐH,TB
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thị Nhung